

Bản án số: 16/2020/HS-PT-TE
Ngày: 28-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vững

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 07/2020/TLPT-HS-TE ngày 13 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thành T và các đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành T, Võ Thanh H, Đinh Văn C, Trần Văn A và người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn A là ông Đặng Thanh V và bà Trần Thu H1, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thành T (tên gọi khác: T); Giới tính: Nam, sinh năm 19XX, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Ấp Chòi M, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: X/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 19XX (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 19XX (đã chết); Có vợ là Huỳnh Thị H2, sinh năm 19XX và 01 con (sinh năm 2013); Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 04-9-2019, tạm giam ngày 13-9-2019, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thanh H (tên gọi khác: H); Giới tính: Nam, sinh năm 19XX, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Văn H3, sinh năm 19XX và bà Đàm Thị B, sinh năm 19XX; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 07-9-2019, tạm giam ngày 13-9-2019, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đinh Văn C (tên gọi khác: N); Giới tính: Nam, sinh ngày 22-3-2XXX, tại tỉnh Đ; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Chiến T, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện

nay: Ấp Chòi M, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Văn P1, sinh năm 19XX và bà Lâm Thị G, sinh năm 19XX; Sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh năm 2XXX; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 04-9-2019, tạm giam ngày 13-9-2019, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn C theo yêu cầu:* Luật sư Vũ Tuấn Anh - Công ty Luật Hợp danh Sao Mai thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Trần Văn A (tên gọi khác: T); Giới tính: Nam, sinh ngày 2X-X-2XXX (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 5 tháng 08 ngày) tại tỉnh Đ; Nơi đăng ký thường trú: Ấp Bình H, xã Bình T, thị xã H, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Ấp Đuôi T, xã Tân H, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Thanh V, sinh năm 19XX và bà Trần Thu H1, sinh năm 19XX; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ ngày 04-9-2019, tạm giam ngày 13-9-2019, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn A:*

1. Ông Đặng Thanh V, sinh năm 19XX; Nơi cư trú: Ấp X, xã An B, thị xã H, tỉnh Đ; Là cha của bị cáo (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đuôi T, xã Tân H, huyện T, tỉnh Đ.

2. Bà Trần Thu H1, sinh năm 19XX; Nơi cư trú: Ấp Bình H, xã Bình T, thị xã H, tỉnh Đ; Là mẹ của bị cáo (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Ấp Đuôi T, xã Tân H, huyện T, tỉnh Đ.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn A theo luật định:* Luật sư Tăng Thị Liên - Luật sư trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị hại:* Đào Quốc Đ, sinh năm 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp Công T, xã Bình P, huyện T, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Võ Văn H3, sinh năm 19XX (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đ.

2. Đinh Văn P1, sinh năm 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp Chòi M, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đ.

- *Người làm chứng:*

1. Lương Thanh T3, sinh năm 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp x, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đ.

2. Hà Trung N, sinh năm 19XX (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Long S, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đ.

3. Lê Đó Em N1, sinh năm 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp Long S, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đ.

4. Lê Văn Khánh L, sinh năm 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đ.

5. Võ Minh B, sinh năm 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp Chòi M, xã Thông B, huyện T, tỉnh Đ.

6. Nguyễn Hoàng G1, sinh năm 19XX (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đ.
7. Võ Thanh K, sinh năm 19XX (có mặt);
Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đ.
8. Nguyễn Thiện N2, sinh năm 19XX (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đ.
9. Đặng Thanh L1, sinh năm 19XX (vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp X, xã Tân T, huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành T, Võ Thanh H, Đinh Văn C và Trần Văn A là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng 13 giờ ngày 28-8-2019, C rủ Văn A, T, H và một số người bạn đến nhà C ở ấp Chiến T, xã Tân T A, huyện T để uống bia, tại đây H không tham gia uống bia mà ngồi nói chuyện được khoảng 20 phút thì đi về nhà, tất cả uống hết một két bia thì nghỉ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H chạy xe đến chờ Văn A về, còn T và C đến nhà của T ở ấp Chòi M, xã Thông B, huyện T tiếp tục uống bia cùng với anh Võ Minh B1, khi uống hết 16 chai bia thì nghỉ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 6XKX-XXXXX chạy đến nhà của T rủ T đi nhậu tiếp, T nói với C là lên dê bao thị trấn Sa R nhậu. Sau đó T điện thoại rủ Văn A cùng lên dê bao nhậu và chặn xe xin tiền, Văn A đồng ý và rủ H cùng đi. C điều khiển xe mô tô chở T đến lò giết mổ trâu bò ở xã Tân T, huyện T thì gặp Văn A và H, tại đây T nói với C, Văn A và H “*Tối nay ra dê bao nhậu rồi chặn xe xin tiền mua môi nhậu*”, tất cả đồng ý. Khi đi H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 6XPX-XXXXX chở Văn A, C chở T, khi đến dốc cầu Sa R (đường rẽ vào dê bao thuộc khóm X, thị trấn Sa R, huyện T) thì dừng lại, T kêu C, Văn A và H chờ ở đây, còn T điều khiển xe mô tô của C chạy về hướng chợ T mua cóc, ổi, củ sắn, xoài, hột vịt lộn, khô và 02 chai rượu trắng. Khi T quay trở lại thì tất cả chạy xe lên dê bao, cách dốc cầu Sa R khoảng 400 mét thì dừng lại và tổ chức ngồi uống rượu trên dê bao, trong lúc uống rượu thì T nói với C, Văn A và H là khi nào thấy xe chạy qua thì chặn lại xin tiền, tất cả đồng ý.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, anh Đào Quốc Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 6XKX-XXXXX chạy hướng từ cầu Sa R đến cầu Thành L. Lúc này, T kêu Văn A ra chặn xe, Văn A bẻ nhánh cây bên lề đường đứng ra chặn xe anh Đ lại, anh Đ dừng xe lại, T nói với anh Đ “*Cho xin ít chục ngàn nhậu*”, anh Đ hỏi “*Ít chục ngàn là bao nhiêu?*” thì T nói “*200.000 hay 300.000 đồng cũng được*”, anh Đ nói “*Đâu có tiền mà cho*”. Sau khi nói xong thì anh Đ bước xuống xe, lúc này T lấy nhánh cây trầm đã bẻ bên lề đường chuẩn bị trước đánh hai cái trúng vào vai anh Đ rồi tiếp tục lấy sợi dây vải trong túi quần ra choàng qua người anh Đ kéo ra phía sau làm cho cả hai té ngã xuống đường, Văn A chạy lại đè hai chân anh Đ, C nắm 02 tay anh Đ kéo ra phía sau, còn H ôm đầu anh Đ, T lấy cái bóp da trong túi quần anh Đ mặc có số tiền 2.700.000 đồng, sau đó T lấy con dao bấm trong túi quần của T ra đưa vào cổ không chế anh Đ, Văn A lấy bọc ni lông bịt miệng anh Đ lại, C đi lại chỗ xe của H lấy cái quần dài (loại quần thun thể dục) ở dưới lộ đưa cho T xé sợi dây vải bên viền quần đưa cho H, lúc này C nắm 02 tay anh Đ cho T trói, còn Văn A đè giữ 02 chân anh Đ cho H trói lại. Sau khi trói xong,

T lấy cái quần thun trùm lên đầu anh Đ và lấy 02 ống quần cột qua cổ anh Đ. Lúc này H đi lại mở yên xe anh Đ lên, dùng tay sờ vào trong cốp xe thì phát hiện có khẩu súng Ru lô (loại công cụ hỗ trợ) và nói “*Gặp công an hình sự rồi bây ơi*”, lúc này T nói “*Lỡ rồi chơi luôn*” nên T và H khiêng xe anh Đ xuống chân đê bao, sau đó T, H, Văn A và C khiêng anh Đ bỏ xuống chân đê bao và tất cả đi về. Trên đường về nhà, T ném bỏ con dao bên lề đường. Số tiền 2.700.000 đồng lấy được của anh Đ, T chia cho Văn A 700.000 đồng, chia cho H và C nhưng H, C đều không nhận, số tiền còn lại 2.000.000 đồng T tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 06 giờ ngày 29-8-2019, anh Lương Thanh T3 phát hiện anh Đ bị trói chân và tay nằm dưới chân đê bao nên anh T3 truy hô và trình báo Công an thị trấn Sa R, huyện T, sau đó anh Đ được mọi người đưa đến Trung tâm y tế huyện T cấp cứu và điều trị, cùng ngày 29-8-2019 anh Đ ra viện.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thành T, Võ Thanh H, Đinh Văn C và Trần Văn A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án thu được:

- 01 đoạn cây tràm dài 1,24 mét; đường kính nơi lớn nhất 0,03 mét, nhỏ nhất 0,02 mét;
- 01 túi nilong màu xanh (của Trần Văn A đem theo trong người);
- 01 quần thun dài màu xanh đen, sọc trắng;
- 01 sợi dây vải thun màu đen, dài 60 centimet (của Nguyễn Thành T đem theo trong người);
- 01 sợi dây vải thun màu trắng, dài 45 centimet, có 03 nút buộc;
- 01 sợi dây vải thun màu trắng, dài 34 centimet, có 01 nút buộc;
- 01 sợi dây vải thun màu trắng, dài 64 centimet, có 02 nút buộc;
- 11 trái cóc (06 trái gọt vỏ có dấu vết cắn nham nhở; 04 trái gọt vỏ và 01 trái chưa gọt vỏ);
- Băng gạt thấm nước dùng để thu mẫu ADN chỗ tay cầm và khung nâng xe;
- 01 vỏ cây tràm dài 1,3 mét x 0,05 mét và nhiều lá cây;
- 01 xe mô tô Wave Alpha biển số: 6XPX-XXXXX, nhãn hiệu: LOTUS, màu sơn: xanh đen (do Võ Thanh H điều khiển chở Trần Văn A);
- 01 xe mô tô FUTURE biển số: 6XKX-XXXXX, nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: đen bạc (do Đinh Văn C điều khiển chở Nguyễn Thành T);
- 01 khẩu súng Ru lô (loại công cụ hỗ trợ), 01 khóa số 8, 01 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh Công an nhân dân, 02 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân, 02 giấy phép chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 cục sạc dự phòng điện thoại, 01 cái bóp da màu nâu, 01 xe mô tô biển số: 6XKX-XXXXX.

- Riêng 01 con dao (loại dao bấm) do Nguyễn Thành T ném bỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có truy tìm nhưng không tìm được.

Đối với xe mô tô biển số: 6XPX-XXXXX, nhãn hiệu: Wave Alpha là của ông Võ Văn H3 (cha ruột của Võ Thanh H), xe này ông H3 mua lại của ông Võ Minh B2 (xe do Lưu Quang H4 đứng tên giấy đăng ký) chưa sang tên, khi H lấy xe mô tô tham gia vào việc phạm tội, ông H3 không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả lại xe cho ông Võ Văn H3.

Đối với xe mô tô biển số: 6XKX-XXXXX, nhãn hiệu: FUTURE là của ông

Đinh Văn P1 (cha ruột của Đinh Văn C), khi C lấy xe mô tô tham gia vào việc phạm tội, ông P1 không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả lại xe cho ông Đinh Văn P1.

Đối với 01 khẩu súng Ru lô (loại công cụ hỗ trợ), 01 khóa số 8, 01 thẻ ATM, 01 giấy chứng minh Công an nhân dân, 02 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân, 02 giấy phép chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 cục sạc dự phòng điện thoại, 01 cái bóp da màu nâu, 01 xe mô tô biển số: 6XKX-XXXXX, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trao trả lại cho bị hại Đào Quốc Đ.

Đối với 06 trái cóc (01 trái gọt vỏ có dấu vết cắn nham nhở, 04 trái gọt vỏ, 01 trái chưa gọt vỏ); 01 vỏ cây tràm dài 1,3 mét x 0,05 mét và nhiều lá cây; băng gạt thấm nước dùng để thu mẫu ADN chỗ tay cầm và khung nâng xe, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiêu hủy.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 282/TgT ngày 06-9-2019 của Trung Tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Đồng Tháp kết luận về tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại Đào Quốc Đ như sau:

1. Dấu vết chính qua giám định: Sẹo sây sát da số lượng ít, kích thước lớn.
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 08%.
3. Kết luận khác: Các tổn thương vùng lưng do vật tày gây ra; tổn thương cổ tay trái và cổ chân trái do dây thừng vải gây ra.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Thành T, Võ Thanh H, Đinh Văn C và Trần Văn A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Trần Văn A đã trả lại cho bị hại số tiền chiếm đoạt là 2.700.000 đồng (trong đó: Bị cáo T trả 2.000.000 đồng, bị cáo Văn A trả 700.000 đồng).

Tại bản án số 02/2020/HS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T (T), Võ Thanh H (H), Đinh Văn C (C), Trần Văn A (N) đồng phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T (T) 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo (Ngày 04-9-2019).

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17 và điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thanh H (H) 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo (Ngày 07-9-2019).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn C (C) 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo (Ngày 04-9-2019).

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, Điều 17, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn A (N) 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù

tính từ ngày tạm giữ bị cáo (Ngày 04-9-2019).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, các bị cáo Nguyễn Thành T, Võ Thanh H, Đinh Văn C, Trần Văn A có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 02 năm 2020, người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn A là ông Đặng Thanh V và bà Trần Thu H1 có đơn kháng cáo kêu oan cho bị cáo Trần Văn A.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thành T có đơn thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Thanh H, Đinh Văn C, Trần Văn A đều thay đổi nội dung kháng cáo, các bị cáo kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H, Trần Văn A đã dùng cây, dao đánh bị hại Đ rồi lấy tài sản của bị hại, cho nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Nhận thấy, hành vi của các bị cáo là hết sức nguy hiểm, các bị cáo đã dùng cây đánh bị hại, dùng dao không chế bị hại lấy tài sản. Không dừng lại ở đó, sau khi lấy tài sản xong các bị cáo tiếp tục trói tay chân bị hại; lấy bọc ni long, quần vải trùm lên đầu bị hại, khiến bị hại bỏ dưới chân đê bao, mặc cho hậu quả xảy ra. Trong vụ án này bị cáo T là người đề xướng, rủ rê và thực hiện tích cực nhất, các bị cáo còn lại là người thực hiện tích cực. Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi đang thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo thấy trong xe của bị hại Đ có súng, còng và biết bị hại Đ là Công an nhưng các bị cáo vẫn thực hiện tội phạm đến cùng. Từ hành vi của các bị cáo ảnh hưởng uy tín của cán bộ Công an huyện T nói riêng và ngành Công an nói chung, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mất trật tự trị an nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung này đối với các bị cáo là có lợi cho các bị cáo. Xét mức hình phạt 07 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Nguyễn Thành T, mức án 07 năm tù đối với các bị cáo Võ Thanh H, Đinh Văn C là có căn cứ. Các bị cáo T, H, C và Trần Văn A kháng cáo kêu oan nhưng các bị cáo không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh việc các bị cáo ngoại phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T, H và C. Riêng đối với bị cáo Trần Văn A, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, hành vi của bị cáo Văn A như các bị cáo C, H nhưng tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo C, H mỗi bị cáo 07 năm tù. Như vậy, Tòa sơ thẩm áp dụng các Điều 91, 101; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Văn A là $\frac{3}{4}$ hình phạt so với người đã thành niên, tuyên 05 năm 06 tháng tù là chưa chính xác, có phần bất lợi cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức hình phạt, giảm hình phạt cho bị cáo Văn A 03 tháng tù.

Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn A là ông

Đặng Thanh V và bà Trần Thu H1 kêu oan cho bị cáo A. Ông bà cho rằng tại thời điểm phạm tội, bị cáo cùng với ông bà đang có mặt tại lò giết mổ của ông Q tại xã Tân T, huyện T, đồng thời có cung cấp chứng cứ là các xác nhận của những người làm chứng như Nguyễn Hoàng G1, Đặng Thanh L1, Võ Thanh K, Nguyễn Thiện N2. Tuy nhiên, các xác nhận của những người làm chứng này không khách quan, không có căn cứ nên không chấp nhận.

Với những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H và Trần Văn A; Không chấp nhận kháng cáo kêu oan cho bị cáo Trần Văn A của ông Đặng Thanh V, bà Trần Thu H1 đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn A.

Luật sư Vũ Tuấn Anh bào chữa cho bị cáo Đinh Văn C phát biểu quan điểm: Thống nhất với án sơ thẩm áp về tội danh, điều khoản của tội danh dụng đối với bị cáo C. Đồng thời cũng nêu ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như bị cáo C phạm tội do người khác rủ rê, xúi giục, với vai trò giúp sức. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội bị cáo đã tích cực bồi thường cho người bị hại để đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Tăng Thị Liên bào chữa cho bị cáo Trần Văn A trình bày: Thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, với án sơ thẩm về tội danh, điều khoản của tội danh dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn A lúc phạm tội đến ngày xét xử là người chưa thành niên và do bị cáo Nguyễn Thành T lôi kéo, xúi giục nên bị cáo Văn A làm theo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Văn A đã thành khẩn khai báo, có khắc phục hậu quả trả lại cho bị hại Đ 700.000 đồng và đồng ý bồi thường cho bị hại Đ 3.000.000 đồng cùng với 03 bị cáo còn lại, hiện nay đã bồi thường xong (do gia đình bị cáo C bồi thường, bị cáo C không yêu cầu bị cáo Văn A trả lại). Bị cáo Văn A có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và là người chưa thành niên phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54, Điều 101 Bộ luật Hình sự để xét xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo Trần Văn A.

Các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo, các bị cáo bị oan.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Văn A là ông Đặng Thanh V và bà Trần Thu H1 cho rằng thời gian xảy ra vụ án, bị cáo A đang ở lò mổ bò của anh Q cùng với ông V và bà H1 nên không thể có mặt tại hiện trường mà phạm tội được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H, Trần Văn A không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo cho rằng thời điểm xảy ra sự việc các bị cáo không có mặt tại hiện trường nên không có thực hiện hành vi phạm

tội đối với bị hại. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội và lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Khoảng 19 giờ ngày 28/8/2019, T điện thoại rủ Văn A lên đề bao thị trấn Sa R nhậu và chặn xe xin tiền, Văn A đồng ý và rủ H cùng đi. C điều khiển xe mô tô chở T đến lò giết mổ trâu bò ở xã Tân T, huyện T thì gặp Văn A và H. Tại đây, T nói với C, Văn A và H “Tôi nay ra đề bao nhậu rồi chặn xe xin tiền mua mồi nhậu”, tất cả đồng ý. Khi đi, H điều khiển xe mô tô chở Văn A, C chở T. Khi đến dốc cầu Sa R thì cả nhóm dừng lại. T kêu C, Văn A và H chờ ở đây, còn T điều khiển xe mô tô của C chạy về hướng chợ T mua thức ăn và rượu. Khi T quay trở lại thì tất cả chạy xe lên đề bao, cách dốc cầu Sa R khoảng 400m thì dừng lại và tổ chức ngồi uống rượu trên đề bao. Trong lúc uống rượu thì T nói với C, Văn A và H là khi nào thấy xe chạy qua thì chặn lại xin tiền, tất cả đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì anh Đào Quốc Đ điều khiển xe mô tô 6KXX- XXXXX chạy hướng từ cầu Sa R đến cầu Thành L. Lúc này T kêu Văn A ra chặn xe, Văn A bẻ nhánh cây bên lề đường đứng ra chặn xe, anh Đ dừng xe lại, T nói với anh Đ cho xin tiền nhậu 200.000đ, 300.000đ, anh Đ nói không có tiền. Vừa nói anh Đ vừa bước xuống xe thì T lấy nhánh cây trầm đã bẻ bên lề đường chuẩn bị trước, đánh hai cái trúng vào vai anh Đ rồi tiếp tục lấy sợi dây vải trong túi quần ra choàng qua người anh Đ kéo ra phía sau, làm cho cả hai té ngã xuống đường; Văn A chạy lại đề hai chân anh Đ, C nắm 02 tay anh Đ kéo ra phía sau, còn H ôm đầu anh Đ, T lấy cái bóp da có số tiền 2.700.000đ trong túi quần anh Đ, sau đó T lấy con dao bấm trong túi quần ra đưa vào cổ không chế anh Đ, Văn A lấy bọc ni lông bịt miệng anh Đ lại, C đi lại xe của H lấy cái quần dài (loại quần thun thể dục) đưa cho T xé sợi dây vải đưa cho H, C nắm 02 tay anh Đ cho T trói, còn Văn A đề giữ 02 chân anh Đ cho H trói lại. Khi trói xong, T lấy cái quần thun trùm lên đầu và lấy 02 ống quần cột qua cổ anh Đ. Lúc này H mở yên xe anh Đ phát hiện có khẩu súng Ru lô (loại công cụ hỗ trợ) và nói “gặp công an hình sự rồi bây ời”, T nói “lỡ rồi chơi luôn”, T, H, Văn A và C khiêng anh Đ bỏ xuống chân đề bao rồi tất cả đi về, T ném bỏ con dao. Số tiền 2.700.000đ lấy của anh Đ, T chia cho Văn A 700.000đ, H và C không nhận tiền nên còn lại 2.000.000đ T tiêu xài cá nhân hết. Sau khi gây án, bị cáo Nguyễn Thành T và bị cáo Trần Văn A đã trả lại số tiền chiếm đoạt cho bị hại, trong đó bị cáo T trả 2.000.000 đồng, bị cáo Văn A trả 700.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H, Trần Văn A là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo Nguyễn Thành T, Võ Thanh H và Đinh Văn C đều là người đã trưởng thành, còn bị cáo Trần Văn A tuy là người chưa thành niên nhưng cũng đã trên 16 tuổi. Các bị cáo đều có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định và có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả nên các bị cáo đã có hành vi đã dùng dao đưa vào cổ bị hại Đào Quốc Đ không chế và dùng cây đánh, dùng dây trói, bịt miệng, trùm đầu,

không bị hại Đào Quốc Đ bỏ xuống dưới chân đê trong đêm tối, có khả năng gây nguy hiểm đến tính mạng của bị hại, nhằm chiếm đoạt số tiền 2.700.000 đồng và gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ là 08%. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”. Các bị cáo thừa biết việc thực hiện hành vi cướp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là có tội nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của các bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

Các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H cho rằng thời điểm xảy ra sự việc các bị cáo không có mặt tại hiện trường mà ngủ tại nhà. Việc các bị cáo khai nhận tội trong quá trình điều tra là do các bị cáo bị cán bộ điều tra đánh đập, ép cung nên mới nhận tội, nhưng các bị cáo không có chứng cứ gì để chứng minh. Bị cáo Trần Văn A thì cho rằng thời điểm đó bị cáo đang ở lò mổ bò của anh Q cùng với ông V và bà H1 là cha, mẹ của bị cáo, có các anh Nguyễn Hoàng G1, Đặng Thanh L1, Võ Thanh K, Nguyễn Thiện N2 làm chứng, có xác nhận sự việc này cho bị cáo. Tuy nhiên, các chứng cứ mà bị cáo A đưa ra đều không khách quan và không có căn cứ vì do cha, mẹ và anh rể của bị cáo cung cấp chứ không được thu thập theo trình tự tố tụng quy định. Đối với các xác nhận của Đặng Thanh L1, Võ Thanh K, Nguyễn Thiện N2, Hội đồng xét xử đã nhiều lần triệu tập Đặng Thanh L1, Võ Thanh K, Nguyễn Thiện N2 đến phiên tòa để làm rõ tính chính xác của nội dung xác nhận nhưng tất cả đều vắng mặt. Do đó, lời khai nại của các bị cáo tại phiên tòa là không có căn cứ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H, Trần Văn A về tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Mặt khác, khi đang thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo thấy trong xe của bị hại Đ có súng, còng và biết bị hại Đ là Công an nhưng các bị cáo vẫn thực hiện tội phạm đến cùng. Từ hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng uy tín của cán bộ Công an huyện T nói riêng và ngành Công an nói chung, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mất trật tự trị an. Đây là tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung này đối với các bị cáo là có lợi cho các bị cáo. Các bị cáo T, H, C và A kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên cùng lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng đã chứng minh hành vi của các bị cáo là có tội nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo T, H và C. Riêng đối với bị cáo Trần Văn A, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, hành vi của bị cáo Văn A cũng như các bị cáo C, H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo C, H mỗi bị cáo 07 năm tù, tuyên phạt bị cáo Anh 05 năm 06 tháng tù là chưa chính xác, có phần bất lợi cho bị cáo A vì khi áp dụng các Điều 91, Điều 101; Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Văn A bằng $\frac{3}{4}$ hình phạt so với người đã thành niên. Do đó, cũng cần xem xét điều chỉnh lại mức hình phạt đối với bị cáo A cho phù hợp.

Xét kháng cáo kêu oan cho bị cáo A của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn A là ông Đặng Thanh V và bà Trần Thu H1 là không có căn cứ như Hội đồng

xét xử đã phân tích ở phần trên không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn A là ông Đặng Thanh V và bà Trần Thu H1.

[4] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với lời bào chữa của các vị luật sư bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn C và Trần Văn A là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần yêu cầu của các luật sư.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H, Trần Văn A và người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn A là ông Đặng Thanh V và bà Trần Thu H1 không được chấp nhận nên các bị cáo T, C, H, Anh và ông Đặng Thanh V, bà Trần Thu H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H và Trần Văn A. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan cho bị cáo Trần Văn A của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn A là ông Đặng Thanh V và bà Trần Thu H1.

Sửa phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Văn A.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành T (T), Võ Thanh H (H), Đinh Văn C (C), Trần Văn A (N) cùng phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T (T) 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04-9-2019.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thành H (H) 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07-9-2019.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn C (C) 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04-9-2019.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; các điểm b, s khoản 1 Điều 51;

Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn A (N) 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04-9-2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thành T, Đinh Văn C, Võ Thanh H, Trần Văn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Ông Đặng Thanh V và bà Trần Thu H1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TANDhuyện T (08 bản);
- VKSNDhuyện T;
- Chi cục THADShuyện T;
- Cơ quan CSĐT CAH T;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị cáo Anh;
- Lưu VT, HSVA, (Nhật Minh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Lê Khắc Thịnh**